

Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh
 Cơ quan quản lý cấp trên: UY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
 Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT
 Mã đơn vị: T03764094
 Loại hình đơn vị: Cơ quan nhà nước

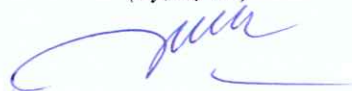
Mẫu 09a-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẴM, GIAO, THUÊ TÀI SẢN CÔNG NĂM 2021

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mại thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mại (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I	Đầu tư xây dựng, mua sắm		1				59.994,00						
1	Trụ sở làm việc/cơ sở hoạt động sự nghiệp												
2	Xe ô tô												
3	Tài sản cố định khác		1				59.994,00						
	BỘ CAMERA QUAN SÁT 2021		1		Trung Quốc	2021	59.994,00	Chi định thầu	CTY VÍSINET				
II	Tài sản giao mới												
1	Trụ sở làm việc/cơ sở hoạt động sự nghiệp												
2	Xe ô tô												
3	Tài sản cố định khác												
III	Tài sản đi thuê												

I	Trụ sở làm việc/cơ sở hoạt động sự nghiệp												
IV	Tài sản từ nguồn viện trợ, quà biếu, tặng cho (nếu có)												
1	Trụ sở làm việc/cơ sở hoạt động sự nghiệp												
2	Xe ô tô												
3	Tài sản cố định khác												

Người lập biểu
(Ký, họ tên)


Duong Quynh Trang

ngày.....tháng.....năm.....
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Đường Hữu Đức

Ghi chú:

- Thời điểm được xác định là đã hoàn thành việc mua sắm tài sản là thời điểm hoàn thành việc chuyển giao tài sản, thanh toán và thanh lý hợp đồng mua sắm tài sản.
- Cột số 9: Ghi rõ hình thức mua sắm/thuê: Đấu thầu, chỉ định thầu, chào hàng cạnh tranh, mua sắm trực tiếp.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH GIẢM CÔNG CỤ DỤNG CỤ

Kỳ báo cáo từ: 01/01/2021 đến 31/12/2021

STT	Tên công cụ	Mã công cụ	Ngày giảm	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Công cụ dụng cụ văn phòng				17		15.283.000
1	Bảng từ Hàn Quốc	T03764094-182	29/06/2021	Phòng hành chính	17	899.000	15.283.000
	Bàn ghế các loại				193		167.497.000
1	Bàn ghế học sinh 2 chỗ có tựa lưng	T03764094-342	29/06/2021	Phòng học	80	1.138.500	91.080.000
2	Bàn ghế học sinh 2 chỗ ngồi	T03764094-322	29/06/2021	Phòng học	88	371.250	32.670.000
3	Bàn giáo viên	T03764094-132	29/06/2021	Phòng học	1	1.200.000	1.200.000
4	Bàn giáo viên	T03764094-236	29/06/2021	Phòng học	10	1.584.000	15.840.000
5	Bàn hiệu trưởng	T03764094-304	29/06/2021	Phòng hiệu trưởng	1	1.425.000	1.425.000
6	Bàn làm việc	T03764094-113	29/06/2021	Phòng phó hiệu trưởng	1	2.937.000	2.937.000
7	Ghế hiệu trưởng	T03764094-118	29/06/2021	Phòng hiệu trưởng	1	3.150.000	3.150.000
8	Ghế lãnh đạo	T03764094-66	29/06/2021	Phòng phó hiệu trưởng	1	1.595.000	1.595.000
9	Ghế tựa gỗ	T03764094-216	29/06/2021	Phòng hành chính	10	1.760.000	17.600.000
TỔNG CỘNG					210		182.780.000

Hồ Chí Minh, Ngày.....tháng.....năm.....

Chức danh người lập biểu
(Ký, họ tên và đóng dấu)



Duong Quynh Trang

Ke toán
(Ký, họ tên và đóng dấu)



Duong Quynh Trang



BẢNG KÊ TĂNG GIẢM CÔNG CỤ DỤNG CỤ

Kỳ báo cáo từ: 01/01/2021 đến 31/12/2021

STT	Tên công cụ/Tên nhóm công cụ	Mã công cụ	Ngày tăng/giảm	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
PHẦN TĂNG							
	Công cụ dụng cụ khác				21		21.675.000
1	Bồn rửa đôi (Inox) 304 – chân sắt vuông 25	T03764094-484	24/12/2021	Phòng thực hành	2	2.100.000	4.200.000
2	Bồn rửa đôi (Inox) 304 – chân sắt vuông 25	T03764094-488	24/12/2021	Phòng thực hành	4	2.100.000	8.400.000
3	Ghế xếp	T03764094-489	08/12/2021	Phòng thiết bị	15	605.000	9.075.000
	Bàn ghế các loại				78		161.372.000
1	Bàn chuẩn bị	T03764094-487	24/12/2021	Phòng thực hành	1	2.400.000	2.400.000
2	Bàn chuẩn bị	T03764094-480	24/12/2021	Phòng thực hành	1	2.400.000	2.400.000
3	Bàn chuẩn bị	T03764094-483	24/12/2021	Phòng thực hành	1	2.400.000	2.400.000
4	Bàn thí nghiệm giáo viên Hóa (Inox) 304	T03764094-481	24/12/2021	Phòng thực hành	1	2.670.000	2.670.000
5	Bàn thí nghiệm giáo viên Hóa (Inox) 304	T03764094-485	24/12/2021	Phòng thực hành	1	2.670.000	2.670.000
6	Bàn thí nghiệm học sinh Hóa (Inox) 304	T03764094-482	24/12/2021	Phòng thực hành	24	2.365.000	56.760.000
7	Bàn thí nghiệm học sinh Hóa (Inox) 304	T03764094-486	24/12/2021	Phòng thực hành	24	2.365.000	56.760.000
8	Bàn thí nghiệm thực hành lý (giáo viên)	T03764094-478	30/12/2021	Phòng thực hành	1	1.712.000	1.712.000
9	Bàn thí nghiệm thực hành lý (học sinh)	T03764094-479	30/12/2021	Phòng thực hành	24	1.400.000	33.600.000
	Tổng số				99		183.047.000
PHẦN GIẢM							
	Công cụ dụng cụ văn phòng				17		15.283.000
1	Bảng từ Hàn Quốc	T03764094-182	29/06/2021	Phòng hành chính	17	899.000	15.283.000
	Bàn ghế các loại				193		167.497.000
1	Bàn ghế học sinh 2 chỗ có tựa	T03764094-342	29/06/2021	Phòng học	80	1.138.500	91.080.000

	lưng						
2	Bàn ghế học sinh 2 chỗ ngồi	T03764094-322	29/06/2021	Phòng học	88	371.250	32.670.000
3	Bàn giáo viên	T03764094-132	29/06/2021	Phòng học	1	1.200.000	1.200.000
4	Bàn giáo viên	T03764094-236	29/06/2021	Phòng học	10	1.584.000	15.840.000
5	Bàn hiệu trưởng	T03764094-304	29/06/2021	Phòng hiệu trưởng	1	1.425.000	1.425.000
6	Bàn làm việc	T03764094-113	29/06/2021	Phòng phó hiệu trưởng	1	2.937.000	2.937.000
7	Ghế hiệu trưởng	T03764094-118	29/06/2021	Phòng hiệu trưởng	1	3.150.000	3.150.000
8	Ghế lãnh đạo	T03764094-66	29/06/2021	Phòng phó hiệu trưởng	1	1.595.000	1.595.000
9	Ghế tựa gỗ	T03764094-216	29/06/2021	Phòng hành chính	10	1.760.000	17.600.000
	Tổng số				210		182.780.000

Hồ Chí Minh, Ngày.....tháng..... năm.....

Chức danh người lập biểu
(Ký, họ tên và đóng dấu)



Duong Quynh Trang

Kế toán
(Ký, họ tên và đóng dấu)



Duong Quynh Trang

Hiệu trưởng
(Ký, họ tên và đóng dấu)



Dương Hữu Đức

Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh
 Cơ quan quản lý cấp trên: UY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
 Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: TRƯỞNG THCS LÝ TU TRƯỞNG
 Mã đơn vị: T03764094
 Loại hình đơn vị: Cơ quan nhà nước

Mẫu 09d-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG NĂM 2021

Stt	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản(Nghìn đồng)			Chi phí xử lý tài sản	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I	Đất															
II	Nhà															
II	Xe Ô tô															
III	Tài sản cố định khác															
	Tài sản có nguyên giá trên 500 triệu															
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu															

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Duong Quynh Trang

Ngày.....tháng.....năm.....
 THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
 (Ký, họ tên và đóng dấu)
 TRƯỞNG THCS
 LÝ TU TRƯỞNG
 Duong Hieu Đức

Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh

Cơ quan quản lý cấp trên: UY BAN NHAN DAN QUAN GO VAP

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: TRUONG THCS LY TU TRONG

Mã đơn vị: T03764094

Loại hình đơn vị: Cơ quan nhà nước

Mẫu 09c-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CÓ ĐỊNH KHÁC NĂM 2021

Stt	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác	
														Tổng cộng
					Nguồn ngân sách									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Ô tô													
II	Tài sản cố định khác		117	2.262.567,29	2.074.519,44	188.047,85	484.548,50							
	Tài sản trên 500 triệu													
	Tài sản dưới 500 triệu		117	2.262.567,29	2.074.519,44	188.047,85	484.548,50							
1	Hàng rào cổng trường	Phòng bảo vệ	1	44.880,00	44.880,00		31.416,00							
2	Hệ thống PCCC	Phòng bảo vệ	1	95.701,10	95.701,10									
3	Máy vi tính để bàn MSTT	Phòng học	1	12.647,00	12.647,00		5.058,80							
4	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		4.550,00							
5	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		4.550,00							
6	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		4.550,00							
7	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		4.550,00							
8	Máy vi tính	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		4.550,00							

	de ban HP MSTT													
9	Máy vi tính de ban HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		4.550,00							
10	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		4.550,00							
11	Máy vi tính de ban MSTT	Phòng học	1	12.647,00	12.647,00		5.058,80							
12	Máy vi tính de ban HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		4.550,00							
13	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		4.550,00							
14	Máy vi tính de ban HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		4.550,00							
15	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		4.550,00							
16	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		4.550,00							
17	Máy vi tính de ban MSTT	Phòng học	1	12.647,00	12.647,00		5.058,80							
18	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		4.550,00							
19	Máy vi tính de ban HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		4.550,00							
20	Máy vi tính de ban HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		4.550,00							
21	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		4.550,00							
22	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		4.550,00							
23	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		4.550,00							
24	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		4.550,00							
25	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		4.550,00							
26	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		4.550,00							
27	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		4.550,00							
28	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		4.550,00							

29	Máy vi tính đề ban MSTT	Phòng học	1	12.647,00	12.647,00		5.058,80							
30	Máy vi tính đề ban MSTT	Phòng học	1	12.647,00	12.647,00		5.058,80							
31	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		4.550,00							
32	Máy vi tính đề ban HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		4.550,00							
33	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		4.550,00							
34	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		4.550,00							
35	Máy bộ vi tính	Phòng tài vụ	1	11.685,30	11.685,30									
36	Máy vi tính văn phòng	Phòng vi tính	1	9.120,00	9.120,00									
37	Máy bộ vi tính	Phòng vi tính	1	350.443,10	350.443,10									
38	Máy vi tính văn phòng	Phòng hành chính	1	9.930,00	9.930,00									
39	Máy vi tính văn phòng	Phòng hành chính	1	9.930,00	9.930,00									
40	Máy vi tính VP	Phòng hành chính	1	11.110,00	11.110,00									
41	Bộ máy vi tính E7400	Phòng hành chính	1	11.666,90	11.666,90									
42	Máy vi tính văn phòng	Phòng phó hiệu trưởng	1	8.327,00	8.327,00									
43	Máy vi tính văn phòng	Phòng phó hiệu trưởng	1	7.960,00	7.960,00									
44	Máy vi tính đề ban HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		4.550,00							
45	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		4.550,00							
46	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		4.550,00							
47	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		4.550,00							
48	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		4.550,00							
49	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		4.550,00							
50	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		4.550,00							

51	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		4.550,00							
52	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		4.550,00							
53	Máy vi tính để bàn HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		4.550,00							
54	Máy vi tính để bàn HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		4.550,00							
55	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		4.550,00							
56	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		4.550,00							
57	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		4.550,00							
58	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		4.550,00							
59	Máy vi tính để bàn MSTT	Phòng học	1	12.647,00	12.647,00		5.058,80							
60	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		4.550,00							
61	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		4.550,00							
62	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		4.550,00							
63	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		4.550,00							
64	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		4.550,00							
65	Máy vi tính	Phòng học	1	52.815,00	52.815,00									
66	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		4.550,00							
67	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		4.550,00							
68	Máy vi tính để bàn HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		4.550,00							
69	Máy vi tính HP MSTT	Phòng học	1	11.375,00	11.375,00		4.550,00							
70	Máy Nơtbook LeNoVo	Phòng thiết bị	1	11.269,76	11.269,76									
71	Máy Nơtbook LeNoVo	Phòng thiết bị	1	11.269,76	11.269,76									

72	Máy Nơtbook LeNoVo	Phòng thiết bị	1	11.269,76	11.269,76									
73	Máy photocopy Canon	Phòng hành chính	1	45.138,80	45.138,80									
74	Máy điều hòa nhiệt độ 1,5 HP MSTT	Phòng hành chính	1	12.600,00	12.600,00		7.875,00							
75	Máy điều hòa không khí phòng vi tính	Phòng vi tính	1	13.453,00		13.453,00	3.363,25							
76	Máy lạnh Mitsu	Phòng vi tính	1	15.250,00	15.250,00									
77	Máy lạnh Toshiba Inverter 1.5HP lớp 6/4	Phòng học	1	11.990,00		11.990,00	7.493,75							
78	Máy lạnh Toshiba Inverter 1.5HP lớp 6/4	Phòng học	1	11.990,00		11.990,00	7.493,75							
79	Máy điều hòa không khí phòng vi tính	Phòng vi tính	1	13.453,00		13.453,00	3.363,25							
80	Máy điều hòa nhiệt độ 1,5 HP MSTT	Phòng hành chính	1	12.600,00	12.600,00		7.875,00							
81	Máy lạnh Toshiba	Phòng vi tính	1	12.683,00	12.683,00									
82	Lò hấp khử trùng dụng cụ y tế	Phòng Y tế	1	5.922,00	5.922,00									
83	Máy lạnh Asanzo lớp 8/3	Phòng học	1	10.560,00		10.560,00	6.600,00				X			
84	Máy lạnh Asanzo lớp 8/6	Phòng học	1	12.790,00		12.790,00	7.993,75							
85	Máy lạnh Asanzo lớp 8/3	Phòng học	1	10.560,00		10.560,00	6.600,00				X			
86	Máy chiếu Projector Sony	Phòng thiết bị	1	42.959,40	42.959,40									
87	TIVI LCD 32"	Phòng học	1	6.710,00	6.710,00									

88	TIVI LCD 32"	Phòng học	1	6.710,00	6.710,00									
89	TIVI LCD 32"	Phòng học	1	6.710,00	6.710,00									
90	Tivi Sony 43 inch lớp 8/3	Phòng học	1	10.400,00		10.400,00	4.160,00							
91	TIVI LCD 32"	Phòng học	1	6.710,00	6.710,00									
92	TIVI LCD 32"	Phòng học	1	6.710,00	6.710,00									
93	TIVI LCD 32"	Phòng học	1	6.710,00	6.710,00									
94	TIVI LCD 32"	Phòng học	1	6.710,00	6.710,00									
95	TIVI LCD 32"	Phòng học	1	6.710,00	6.710,00									
96	TIVI LCD 32"	Phòng học	1	6.710,00	6.710,00									
97	TIVI LCD 32"	Phòng học	1	6.710,00	6.710,00									
98	TIVI SAMSUNG 43 inch lớp 6/5	Phòng học	1	13.620,00		13.620,00	5.448,00							
99	Máy ảnh kỹ thuật số	Phòng đoàn đội	1	6.156,00	6.156,00									
100	Loa dòi	Phòng thiết bị	1	10.450,00	10.450,00									
101	Mixer CFX 12	Phòng thiết bị	1	6.765,00	6.765,00									
102	Tăng Âm	Phòng thiết bị	1	6.600,00	6.600,00									
103	Hệ thống mạng ADSL	Phòng vi tính	1	12.898,56	12.898,56									
104	BỘ CAMERA QUAN SÁT 2021	Phòng học	1	59.994,00	59.994,00		52.494,75							
105	Hệ thống bảng thông minh	Phòng Lab	1	180.844,51	180.844,51		18.084,45							
106	Hệ thống bảng thông minh	Phòng Lab	1	180.844,51	180.844,51		18.084,45							
107	Robot Lego EV3	Phòng vi tính	1	10.999,00		10.999,00	5.499,50							
108	Robot Lego EV3	Phòng vi tính	1	12.844,43		12.844,43	6.422,21							

109	ÔN ÁP LIOA	Phòng bảo vệ	1	9.328,99	9.328,99								
110	Robot Lego EV3	Phòng vi tính	1	12.844,43		12.844,43	6.422,21						
111	Máy quay phim Hero 6Blach	Phòng thiết bị	1	10.700,00		10.700,00	2.140,00						
112	Robot Lego EV3	Phòng vi tính	1	10.999,00		10.999,00	5.499,50						
113	Đàn organ	Phòng đoàn đội	1	12.000,00	12.000,00								
114	Bộ bàn ghế họp (12 chỗ ngồi)	Phòng phó hiệu trưởng	1	20.845,00		20.845,00	7.816,88						
115	Máy xay thịt Inox 2HP	Bếp	1	23.000,00	23.000,00								
116	Tủ nấu cơm Inox 100kg	Bếp	1	16.000,00	16.000,00								
117	Sàn bếp Inox 2HP	Bếp	1	22.000,00	22.000,00								
	Tổng		117	2.262.567,29	2.074.519,44	188.047,85	484.548,50						

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Duong Quynh Trang



Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh
 Cơ quan quản lý cấp trên: UY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
 Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: TRƯỞNG THCS LÝ TU TRONG
 Mã đơn vị: T03764094
 Loại hình đơn vị: Cơ quan nhà nước

Mẫu 09b-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP NĂM 2021

Stt	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú
		Diện tích (m ²)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m ²)					Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng(m ²)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m ²))						Sử dụng khác		
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp						Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp							
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết						Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
1	Nhà 578,578 Lê Đức Thọ, phường 16, quận Gò Vấp									1997	3.996,00	7.446.164,53	1.664.726,40		3.996,00						
2	Đất 578 Lê Đức Thọ, 578 Lê Đức Thọ, phường 16, quận Gò Vấp, Phường 16, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh	3.996,00	16.383.600,00		3.996,00																

NGƯỜI LẬP PHIẾU
(Ký, họ tên)



Duong Quynh Trang

.....ngày.....tháng.....năm.....



THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Dương Hữu Đức

Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh
 Cơ quan quản lý cấp trên: UY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
 Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG
 Mã đơn vị: T03764094
 Loại hình đơn vị: Cơ quan nhà nước

Mẫu 09a-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH KHAI THÁC NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH TỪ TÀI SẢN CÔNG NĂM 2021

Stt	Tên tài sản	Kinh doanh			Cho thuê						Liên doanh, liên kết					
		Số lượng / diện tích tài sản kinh doanh	Hình thức kinh doanh	Số tiền thu được từ việc kinh doanh trong năm (Nghìn đồng)	Số lượng / diện tích tài sản cho thuê	Đơn giá thuê	Tên cơ quan, đơn vị, tổ chức thuê tài sản	Hợp đồng thuê tài sản, số..., ngày...	Thời hạn cho thuê từ... đến...	Số tiền thu được từ việc cho thuê tài sản trong năm (Nghìn đồng)	Số lượng / diện tích tài sản liên doanh liên kết	Đối tác liên doanh / liên kết	Hình thức liên doanh, liên kết	Hợp đồng liên doanh, liên kết (số..., ngày...)	Thời hạn liên doanh, liên kết (từ..., đến)	Số tiền thu được từ việc liên doanh, liên kết trong năm (Nghìn đồng)
I	Nhà, đất															
II	Xe ô tô															
III	Tài sản cố định khác															
	Tổng	0		0	0	0,00				0,00	0					0,00

NGƯỜI LẬP BIỂU
 (Ký, họ tên)



Duong Quynh Trang

ngày... tháng... năm...
 THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ
 (Ký, họ tên và đóng dấu)



Dương Hữu Đức